



NHẬN DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC ĐỊNH QUAN HỆ CHA, MẸ, CON TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ TRANH CHẤP

Hoàng Thị Hải Yến, Hoàng Thảo Anh*

¹Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Hải Yến < hthyen@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 23-06-2021; Ngày chấp nhận đăng: 27-07-2021)

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu thẩm quyền giải quyết việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp, trên cơ sở mối liên hệ thống nhất giữa ba văn bản luật có liên quan bao gồm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 với tư cách là luật nội dung, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thủ tục tố tụng tại Tòa án nhân dân và Luật Hộ tịch năm 2014 quy định về thủ tục hành chính. Trên cơ sở phân tích quy định của pháp luật hiện hành và tiến hành đối sánh với thực tiễn áp dụng pháp luật về cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp, nghiên cứu này cho thấy hiện nay vẫn tồn tại nhiều vướng mắc. Nghiên cứu đề xuất cách hiểu thống nhất quy định pháp luật hiện hành trong trường hợp này, nhằm góp phần nâng cao thực tiễn áp dụng pháp luật.

Từ khóa: thẩm quyền; xác định quan hệ cha, mẹ, con; không có tranh chấp.

IDENTIFY THE AUTHORITY COMPETENT TO DETERMINE THE PARENT-CHILD RELATIONSHIP IN CASE ABSENCE OF DISPUTE

Hoàng Thị Hải Yến, Hoàng Thảo Anh*

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Hoàng Thị Hải Yến < hthyen@hueuni.edu.vn >

(Received: June 23, 2021; Accepted: July 27, 2021)

Abstract: This article analyzes and ascertains the competence to settle cases regarding the determination of parent-child relationship with no dispute, based on the consistent connection of three related legislative documents, including the Law on Marriage and Family 2014 as substantive law, the Civil Procedure Code 2015 in term of procedures at the People's Court and the Civil Status Law 2014 for administrative procedures. Analyzing the provisions of current law and comparing it with its actual application regarding the competent authority when determining the parent-child relationship in the absence of dispute shows that many perplexities and entanglements exist. Therefore, the author proposes a unified understanding of the current legal provisions aiming to improve law application in this case.

Keywords: competence, determine the parent-child relationship, absence of dispute.

Dẫn nhập

Trẻ em có quyền được khai sinh, quyền được xác định cha theo quy định của pháp luật. Đây là hai trong số 23 quyền của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em 2016¹ đồng thời được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật HNGĐ 2014) dưới góc độ trẻ em là thành viên của gia đình, chủ thể tham gia quan hệ hôn nhân và gia đình². Ngược lại, cha mẹ cũng có quyền được xác định con của mình kể cả trường hợp con đã chết³. Trong những năm gần đây, có nhiều vụ việc xin xác nhận cha, mẹ, con với mục đích chủ yếu để đổi lại họ tên cho đúng nguồn gốc, huyết thống. Cũng có trường hợp đương sự yêu cầu xác nhận cha, mẹ, con nhằm mục đích đòi quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc quyền thừa kế. Về vấn đề này, pháp luật hôn nhân và gia đình tại các thời kỳ trước đều quy định Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về xác định quan hệ cha mẹ con và Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp. Hiện nay, Luật NHGD 2014 cũng có quy định tương tự. Theo đó, Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp và khoản 1 Điều 101 của luật này dẫn chiếu đến quy định của pháp luật về hộ tịch để xác định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân. Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong hai trường hợp: (1) trường hợp có tranh chấp; (2) trường hợp xác định cha, mẹ, con mà người có yêu cầu hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết những vụ việc này cho thấy vẫn có sự lúng túng vướng mắc trong áp dụng pháp luật hiện hành về cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp, do ngoài Luật HNGĐ 2014 còn có Luật Hộ tịch năm 2014 (Luật Hộ tịch 2014) và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) đều có quy định liên quan.

¹ Điều 13 Luật Trẻ em năm 2016.

² Khoản 1 Điều 88, Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

³ Khoản 2 Điều 88, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

1. Quy định pháp luật về cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp

Điều 101 Luật HNGĐ 2014 quy định cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp không có tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này (xác định cha, mẹ, con trong trường hợp người có yêu cầu chết)⁴.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 4 Điều 28 BLTTDS 2015 thì “Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án dân sự. Đồng thời khoản 10 Điều 29 BLTTDS 2015: “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình” cũng thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Như vậy, về thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Ủy ban nhân dân trong xác định quan hệ cha, mẹ, con, hiện nay có nhiều ý kiến cho rằng cả hai văn bản Luật HNGĐ 2014 và BLTTDS 2015 đều xác định thống nhất Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp. Tuy nhiên, đối với yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp, vẫn tồn tại nhiều luồng ý kiến trái chiều về cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Theo quan điểm thứ nhất, hai văn bản Luật trên có sự chồng chéo dẫn đến khó giải quyết việc xác định cơ quan có thẩm quyền là bởi theo khoản 1 Điều 101 Luật HNGĐ 2014 do Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về hộ tịch, còn theo khoản 10 Điều 29 BLTTDS 2015 do Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo trình tự giải quyết việc dân sự về “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền của Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, nhưng ở Luật HNGĐ 2014 lại không có quy định nào về yêu cầu xác định cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền của Tòa án. Quan điểm này nhận định rằng, thực trạng quy định trên dẫn đến cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng trong áp dụng, cho nên có tình trạng một số nơi tự “sáng tạo” ra mẫu hoặc áp dụng “tùy nghi” thiếu thống nhất, trên cơ sở đó kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan sớm ban hành các văn bản hướng dẫn quy định về trường hợp này cũng như ban hành các biểu mẫu tố tụng cho việc áp dụng được thống nhất và đúng với quy định của pháp luật [6].

⁴ Điều 92 Luật HNGĐ 2014 Xác định cha, mẹ, con trong trường hợp người có yêu cầu chết. “Trong trường hợp có yêu cầu về việc xác định cha, mẹ, con mà người có yêu cầu chết thì người thân thích của người này có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ, con cho người yêu cầu đã chết.”

Quan điểm thứ hai cho rằng, về nguyên tắc thì một sự việc chỉ có thể do một cơ quan giải quyết để tránh chồng chéo, do đó, Luật HNGĐ 2014 và BLTTDS 2015 quy định chồng chéo nhau dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn và quan điểm này kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 101 Luật HNGĐ 2014 theo hướng bổ sung thẩm quyền của Tòa án xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp [5].

Quan điểm thứ ba cho rằng, Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp không có tranh chấp và cha, mẹ, con còn sống tại thời điểm có yêu cầu xác định cha, mẹ, con; Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục việc dân sự về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp mà trong đó: (1) Người được xác định là cha, mẹ, con đã chết; (2) Trường hợp có yêu cầu về việc xác định cha, mẹ, con mà người có yêu cầu chết, tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp (kể cả trường hợp người được xác định là cha, mẹ con chết hoặc người có yêu cầu chết nếu có tranh chấp) [5].

Theo quan điểm thứ tư, Luật HNGĐ 2014 quy định việc yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp do cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện và BLTTDS 2015 cũng quy định Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật này. Từ đó, quan điểm này nhận định rằng cả hai cơ quan (Cơ quan đăng ký hộ tịch và Tòa án) đều có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp. Việc lựa chọn cơ quan nào giải quyết thuộc về quyền của người yêu cầu và quan điểm này cho rằng đây là quy định tạo điều kiện thuận lợi cho đương sự có cơ hội lựa chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của mình [6].

Chúng tôi không đồng tình với tất cả các quan điểm trên. Trong bối cảnh Luật HNGĐ 2014 quy định việc xác định cha, mẹ, con được tiến hành theo hai thủ tục: thủ tục hành chính theo pháp luật hộ tịch và thủ tục tư pháp tại Tòa án nhân dân, theo chúng tôi, cần phải xem xét tổng thể các quy định của 02 văn bản luật liên quan, gồm BLTTDS 2015 và Luật Hộ tịch 2014 từ góc độ phạm vi điều chỉnh của hai văn bản luật này, để giải quyết xung đột về xác định cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp các bên nhận cha, mẹ, con đều còn sống và không có tranh chấp.

Ở góc độ pháp luật hộ tịch, khái niệm đăng ký hộ tịch được hiểu “là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư”⁵. Trong các sự kiện hộ tịch thì “khai sinh” và “nhận cha, mẹ, con” đều là hai sự kiện hộ tịch⁶ có tính chất bổ sung lẫn nhau nhằm bảo hộ tốt nhất quyền của trẻ em được có cha mẹ hợp pháp

⁵ Khoản 2 Điều 2 Luật Hộ tịch 2014.

⁶ Điểm a và điểm d, khoản 1 Điều 3 Luật Hộ tịch 2014.

cũng như quyền được xác định con của cha, mẹ. Sự kiện khai sinh là khai báo và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận một cá nhân được sinh ra qua việc cấp Giấy khai sinh - chứng thư hộ tịch quan trọng ghi rõ họ, tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, họ tên cha, mẹ người được khai sinh nhằm xác định nguồn gốc của một cá nhân cụ thể và để phân biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác. Khai sinh thông thường là sự kiện hộ tịch đầu tiên để xác nhận cha, mẹ người được khai sinh, tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau mà Giấy khai sinh có thể trống phần ghi tên cha/mẹ hoặc trống cả cha lẫn mẹ do chưa có cơ sở pháp lý để xác nhận nội dung này tại thời điểm khai sinh, thậm chí có những trường hợp cá nhân không được khai sinh đúng hạn mặc dù về nguyên tắc mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác⁷. Do đó, sự kiện “nhận cha, mẹ, con” là cần thiết trong trường hợp cá nhân chưa được xác nhận trong Giấy khai sinh về mục cha/mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, mà sau đó các bên cha, mẹ, con còn sống tự nguyện không có tranh chấp thực hiện thủ tục đăng ký này để bổ sung thông tin cá nhân trong Giấy khai sinh. Vì vậy, “nhận cha, mẹ, con” là sự kiện hộ tịch, được tiến hành theo thủ tục hành chính căn cứ các quy định của Luật Hộ tịch 2014 chỉ được đặt ra khi con chưa được xác nhận về hộ tịch cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ trước đó. Nếu cá nhân đã có Giấy khai sinh ghi rõ cha, mẹ, cơ quan hộ tịch sau này chỉ có thể thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân, theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bởi một sự kiện hộ tịch không thể xác nhận hai lần với nội dung xác nhận khác nhau.

Ở góc độ pháp luật tố tụng dân sự, khởi kiện vụ án dân sự hoặc yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án là quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân⁸. Do đó, khởi kiện vụ án dân sự hoặc yêu cầu giải quyết việc dân sự để xác định cha, mẹ, con tại Tòa án chỉ đặt ra khi cá nhân thấy cần thiết phải được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp do việc xác nhận cha, mẹ, con theo thủ tục hành chính chưa đảm bảo nguyên tắc mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác.

Từ cơ sở tiếp cận trên, theo chúng tôi, cần nhận diện cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con như sau:

Thứ nhất, cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con trên cơ sở Khoản 1 Điều 101 Luật HNGĐ năm 2014 với điều kiện về không có tranh chấp trong xác định cha, mẹ, con, tức là quy định này được tiếp cận ở góc độ pháp luật về hộ tịch, theo thủ tục hành chính như đã phân tích ở trên (chỉ được đặt ra khi người con lúc khai sinh chưa được xác nhận về hộ tịch về phần cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ). Mặt khác, khái niệm không có tranh chấp chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích thống nhất, do đó, trong bối cảnh pháp luật thực

⁷ Khoản 2 Điều 5 Luật Hộ tịch 2014.

⁸ Khoản 1 Điều 4 BLTTDS 2015.

định của Việt Nam, cần giải thích không có tranh chấp tức là hai bên không có sự mâu thuẫn khi bày tỏ ý chí, không những thế, ý chí của những người khác có liên quan cũng không mâu thuẫn với nhau và với ý chí của các bên có yêu cầu xác định quan hệ cha mẹ con. Muốn biết có tranh chấp hay không trước hết các bên cần biểu đạt ý chí, do đó nếu có sự kiện 1 bên chết, bên kia yêu cầu xác định cha, mẹ, con thì trường hợp này phải xác định là có tranh chấp và phải được giải quyết theo thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Đồng thời trường hợp xác định cha, mẹ, con không có tranh chấp theo Khoản 1 Điều 101 Luật HNGĐ 2014 dẫn chiếu đến Luật Hộ tịch 2014, qua rà soát các quy định của Luật Hộ tịch 2014⁹, văn bản luật này cũng quy định tương thích với Luật HNGĐ 2014, theo đó chỉ đăng ký cha, mẹ, con nếu không có tranh chấp và phải thỏa mãn điều kiện cả bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con phải còn sống tại thời điểm có yêu cầu xác định cha, mẹ, con.

Thứ hai, trường hợp có yêu cầu xác định cha, mẹ, con mà người yêu cầu đã chết theo quy định tại Điều 92 Luật HNGĐ 2014 sẽ được giải quyết theo thủ tục việc dân sự. Căn hiểu cụm từ “theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình” tại Khoản 10 Điều 29 BLTTDS 2015 quy định Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết: “*Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình*” tức là theo quy định tại Điều 92 nói trên của Luật HNGĐ năm 2014; trong trường hợp người có yêu cầu xác định cha, mẹ, con chết thì người thân thích của người có yêu cầu đã chết sẽ gửi đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về xác định quan hệ cha, mẹ, con của người có yêu cầu đã chết.

Thứ ba, Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự về xác định cha, mẹ, con có tranh chấp; trường hợp bên được nhận là cha mẹ con đã chết và bên kia có yêu cầu xác nhận người đã chết là cha, mẹ, con của họ, thì phải coi như có tranh chấp như đã phân tích ở trên, để thụ lý giải quyết theo thủ tục giải quyết vụ án dân sự.

2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp nhưng một bên chưa thành niên

Việc xác định cơ quan có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con trong trường hợp không có tranh chấp, cả hai bên mẹ, con đều còn sống sẽ trở nên phức tạp hơn nếu một bên (bên nhận hoặc được nhận) là người chưa thành niên hoặc là người mất năng lực hành vi dân sự. Tình huống sau đây là một ví dụ điển hình:

Anh A và chị B cùng đăng ký thường trú tại ấp BN, xã ĐT, thị xã NB, tỉnh H, kết hôn vào năm 2008, không có đăng ký hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2009, A và B sinh được một con chung là cháu C, nhưng do D (là em trai của A) và vợ của D là E không có con nên

⁹ Khoản 2, 3 Điều 6 và Điều 24, 25 Luật Hộ tịch 2014.

muốn nhận C làm con đỡ đầu. Hơn nữa, do A và B không có đăng ký kết hôn, nên nhờ vợ chồng của D đi đăng ký khai sinh và đứng tên là cha, mẹ của C trên giấy khai sinh. Mặc dù, trên giấy tờ thì cháu C là con của D và E nhưng thực tế C vẫn sống chung và do anh A và chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến năm 2015, C đến tuổi đi học, nên anh A và chị B muốn thay đổi phần ghi cha mẹ trong giấy khai sinh. Trong khi đó, D và E đã bỏ địa phương đi từ năm 2010, không rõ đi đâu, không liên lạc được. Anh A có nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã ĐT để xin xác định C là con của anh A và chị B, để thay đổi phần ghi cha, mẹ trong giấy khai sinh, nhưng được đại diện của Ủy ban nhân dân xã ĐT trả lời là không thuộc thẩm quyền và hướng dẫn đến Tòa án nhân dân thị xã NB, tỉnh H để làm thủ tục giải quyết. Sau đó, anh A đến Tòa án nhân dân thị xã NB để nộp đơn yêu cầu xác định C là con ruột của A và B nhưng Tòa án cũng từ chối nhận đơn do không thuộc thẩm quyền. Sự việc kéo dài cho đến nay vẫn chưa được giải quyết [6].

Trong tình huống trên, có ý kiến cho rằng, Ủy ban nhân dân và Tòa án nhân dân đều có thẩm quyền giải quyết. Cụ thể, A và B có quyền nộp tờ khai theo mẫu và các giấy tờ chứng minh C là con ruột của A và B đến Ủy ban nhân dân xã ĐT hoặc nộp đơn đến Tòa án nhân dân thị xã NB để khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình nhằm xác định cháu C là con của A và B. Do D và E không có mặt ở địa phương nên trước tiên, A và B phải làm thủ tục tuyên bố D và E là mất tích theo quy định tại Điều 387, 388, 389 BLTTDS 2015. Sau khi nhận được quyết định của Tòa án tuyên bố D và E là mất tích, nếu lựa chọn Tòa án thì A và B sẽ khởi kiện D và E bằng một vụ án hôn nhân và gia đình yêu cầu về xác định cha, mẹ cho con, kèm theo chứng cứ chứng minh quy định tại Điều 11 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch 2014 (Thông tư số 15/2015). Sau khi có bản án của Tòa án xác định A và B là cha, mẹ ruột của C, A và B sẽ liên hệ Ủy ban nhân dân xã ĐT để thực hiện thay đổi phần ghi của cha, mẹ trong giấy khai sinh. Tương tự, nếu A và B lựa chọn Ủy ban nhân dân xã ĐT thì nộp kèm theo chứng cứ, chứng minh A và B là cha, mẹ ruột của C cùng với quyết định tuyên bố D và E là mất tích. Sau khi có quyết định công nhận A và B là cha, mẹ ruột của C thì A và B tiếp tục liên hệ bộ phận đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã ĐT để thực hiện việc thay đổi phần ghi tên của cha, mẹ trong giấy khai sinh theo quy định của pháp luật về hộ tịch [6].

Theo chúng tôi, trong tình huống trên, cần xác định bên nhận con là A và B, bên được nhận là cháu C; do cháu C từ khi sinh ra đã sinh sống cùng anh A chị B nên cần xác định đây là trường hợp cha, mẹ nhận con mà bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống, tự nguyện, không có tranh chấp, nên thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân để xác định quan hệ cha, mẹ, con căn cứ Khoản 1 Điều 101 Luật HNGĐ 2014. Trường hợp này không có tranh chấp, các bên còn sống và tự nguyện, nên Tòa án nhân dân không có thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Điều 102 Luật HNGĐ 2014, các chủ thể có quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong trường hợp này bao gồm: cha, mẹ, con đã thành niên không bị mất năng lực

hành vi dân sự có quyền yêu cầu cơ quan hộ tịch xác định con, cha, mẹ cho mình trong trường hợp việc yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con không có tranh chấp.

Tương thích với Luật HNGĐ 2014, Luật Hộ tịch 2014 có quy định trường hợp nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch; người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch phải thông qua người đại diện theo pháp luật (khoản 2 và Điều 6 Luật Hộ tịch 2014).

Đồng thời theo Điều 25 Luật Hộ tịch 2014, về thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con thì “Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp tờ khai theo mẫu quy định và chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt.” Điều này cần được hiểu là anh A và chị B là người yêu cầu Ủy ban nhân dân xã ĐT yêu cầu xác định cháu C là con của hai anh chị thì cả hai anh chị phải nộp tờ khai theo mẫu và chứng cứ chứng minh; tại thời điểm đăng ký, cháu C phải có mặt thể hiện sự đồng ý nhận anh A và chị B là cha mẹ. Bên cháu C nhận anh A, chị B là cha, mẹ không phải nộp tờ khai theo mẫu.

Thời điểm năm 2015 khi anh A và chị B gửi yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã ĐT thì Thông tư số 15/2015 vẫn đang có hiệu lực, do đó anh A chị B cần nộp Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con. Người được nhận là con chưa thành niên nên cháu C không cần phải làm Tờ khai căn cứ theo Mẫu Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con được ban hành theo Thông tư số 15/2015, trong đó có mục “Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha (5)” và mục này được ghi chú là “Chỉ cần thiết trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người là cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự)”. Vì cháu C chưa đủ 18 tuổi nên phải có ý kiến của người hiện đang là cha, mẹ. Trong khi đó, D và E là cha mẹ trong giấy khai sinh của cháu nhưng đã bỏ địa phương đi từ năm 2010, không rõ đi đâu, không liên lạc được. Do đó, anh A và chị B cần phải làm thủ tục tuyên bố D và E là mất tích theo quy định tại Điều 387, 388, 389 BLTTDS 2015, sau đó đến Ủy ban nhân dân xã ĐT làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tự nguyện không có tranh chấp là được.

Ngoài ra, anh A chị B cần cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 15/2015, cụ thể chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.

- Trường hợp không có văn bản quy định tại khoản 1 Điều này thì phải có thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác chứng minh mối quan hệ cha con, quan hệ mẹ con và

văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung của hai người, có ít nhất hai người thân thích của cha, mẹ làm chứng.

Hiện nay, Thông tư số 15/2015 đã hết hiệu lực từ ngày 16/7/2020, được thay thế bởi Thông tư 04/2020/TT-BTP hướng dẫn Luật hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành (Thông tư số 04/2020). Theo Điều 14 Thông tư số 04/2020, chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.

- Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại khoản 1 Điều này thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.

So với Thông tư số 15/2015 thì Thông tư 04/2020 đã quy định phù hợp hơn về chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp không có văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con, các bên chỉ cần lập văn bản cam đoan và có ít nhất hai người làm chứng, trong khi quy định trước đó yêu cầu phải có thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác chứng minh mối quan hệ cha con, quan hệ mẹ con mà những tài liệu, vật dụng này có thể làm giả và không phản ánh đúng được bản chất của mối quan hệ cha, mẹ, con.

Mẫu Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con được ban hành theo Thông tư số 04/2020 trong đó cũng có mục “Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha (5)” và mục này được ghi chú với nội dung tương tự Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con được ban hành theo Thông tư số 15/2015, chỉ thay đổi về từ ngữ, theo đó “*Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).*”

Kết luận. Với trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp, việc nhận diện rõ chỉ Ủy ban nhân dân là cơ quan có thẩm quyền giải quyết quan hệ cha, mẹ, con có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn ngừa tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa Tòa án nhân dân và Ủy ban nhân dân. Đồng thời, việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tự nguyện, không có tranh chấp, các bên còn sống làm phát sinh quan hệ cha, mẹ, con giữa các bên, bao gồm quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản, thường có ý nghĩa rất lớn vì đem lại quyền lợi cho các bên liên quan, nhất là trường hợp cha, mẹ nhận con chưa thành niên, trẻ em cần có người quan tâm, chăm sóc, giáo dục kịp thời. Thủ tục giải quyết trường hợp này được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục hành chính sẽ rút ngắn về mặt thời gian so với thủ tục tố tụng tại Tòa án,

giảm được tổn kém chi phí tài chính cho các bên nhận và được nhận là cha, mẹ, con, đồng thời giảm được gánh nặng về khối lượng công việc mà Tòa án nhân dân phải thụ lý. Hơn nữa, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan trực tiếp quản lý hộ tịch tại địa phương sẽ nắm được rõ tình hình của người dân nơi cư trú, qua xem xét chứng cứ chứng minh hoặc lời khai của người làm chứng, dễ dàng thẩm định được ý chí bày tỏ của các bên đăng ký nhận cha, mẹ, con, từ đó giải quyết yêu cầu của các bên một cách hiệu quả, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đặc biệt đối với trường hợp người chưa thành niên là đối tượng thuộc nhóm yếu thế cần sự quan tâm, hỗ trợ và bảo vệ kịp thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình*.
2. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hộ tịch*.
3. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng Dân sự*.
4. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Trẻ em*.
5. Nguyễn Văn Chung (2021), “Về thẩm quyền của Tòa án và cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc xác định cha, mẹ, con”. *Trang Thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Đaklak*, <http://toaandaklak.gov.vn/trao-doi-nghep-vu/ve-tham-quyen-cua-toa-an-va-co-quan-dang-ky-ho-tich-trong-viec-xac-dinh-cha-me-con-5287.html>. Cập nhật lúc: 11:41 05/01/2021.
6. Võ Văn Tuấn Khanh (2020), “Bàn về thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 7/2019, tr. 55-59.